

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN
Bản án số: 49/2025/HS-ST
Ngày: 14/4/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phụng;

Thẩm phán: Ông Trần Ngọc Lâm;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Ông Hoàng Xuân Hào

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2025/HSST ngày 21/3/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HS ngày 31/3/2025, đối với:

1. Bị cáo:

Chu Văn T, sinh năm 1974, tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên; HKTT và nơi ở hiện tại: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn V và bà Lê Thị T1; vợ là Lê Thị P (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000;

Tiền án: Ngày 25/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 13/8/2022);

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 28/6/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù (án treo, thời gian thử thách 18 tháng) về tội Cưỡng đoạt tài sản của công dân;

- Ngày 04/5/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Hùng P1 - Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh H, vắng mặt.

2. Người làm chứng:

2.1. Anh Phạm Văn V1, sinh năm 1991; trú tại: thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

2.2. Anh Trịnh Văn B, sinh năm 1986; trú tại: thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

2.3. Anh Mai Văn S, sinh năm 1988; trú tại: thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

2.4. Chị Nguyễn Thị Huyền C, sinh năm 1993; trú tại: thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 30 phút ngày 08/9/2024, tại nhà riêng ở thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Chu Văn T và bắt giữ Tuyền trong trường hợp khẩn cấp. Qua khám xét, cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ số ma túy T đang tàng trữ trái phép nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời, gồm:

- 01 túi nilon màu trắng, miệng dạng bấm, viền màu đỏ, kích thước 6x10cm, bên trong chứa 24,673g chất tinh thể màu trắng dạng cục, niêm phong ký hiệu M1.

- 01 túi nilon màu trắng, miệng dạng bấm, kích thước 6x8cm, bên trong chứa 01 viên nén hình tròn màu hồng, một mặt có chữ WY, và 05 túi nilon màu trắng, miệng dạng bấm, viền màu xanh đều có kích thước 1,5x2cm, tổng cộng 1,288g chất tinh thể màu trắng, niêm phong ký hiệu M2.

- 02 hộp sắt màu xanh, kích thước 10x10x6cm, trong đó: hộp thứ nhất chứa 01 túi nilon màu trắng, miệng dạng bấm, viền màu đỏ, kích thước 10x14,5cm, bên trong có chất tinh thể màu trắng; hộp thứ hai chứa 02 túi nilon màu trắng, miệng dạng bấm, viền màu đỏ, kích thước 6x9cm, tổng cộng 106,742g chất tinh thể màu trắng, niêm phong ký hiệu M3.

- 01 cân tiểu ly màu đen.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54, gắn 02 thẻ SIM.

Tại thời điểm khám xét, Nguyễn Thị Huyền C (SN: 1993, trú tại thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên) đang có mặt tại nhà T và bị phát hiện sử dụng ma túy cùng T tối ngày 07/9/2024.

Kết luận giám định số 594/KL-KTHS(MT) ngày 11/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh H xác định: Tinh thể màu trắng và viên nén trong mẫu M1, M2, M3 là ma túy loại Methamphetamine, với tổng khối lượng lần lượt là 24,673g (M1), 1,288g (M2, gồm 0,104g từ viên nén và 1,184g từ tinh thể), và 106,742g (M3), tổng cộng 132,703g.

Lời khai của bị cáo xác định: Ngày 06/9/2024, Chu Văn T đến khu vực cầu M, thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên gặp một người đàn ông không rõ danh tính để mua ma túy. Tuyến mua 03 viên nén hình trụ tròn màu hồng (thường gọi là “ma túy ngựa”) và 01 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng (thường gọi là “ma túy đá”) với giá 40.000.000 đồng, trả bằng tiền mặt. Sau khi mua, T mang số ma túy về nhà, chia nhỏ thành nhiều túi để sử dụng và bán.

Ngày 07/9/2024, khoảng 22 giờ, tại nơi ở của mình, T rủ Nguyễn Thị Huyền C (đã đến nhà T từ trước đó) sử dụng ma túy. Tuyến lấy một ít tinh thể Methamphetamine và 02 viên “ma túy ngựa” từ số ma túy đã mua, cho vào mảnh giấy bạc, dầm nhỏ, trộn lẫn, rồi dùng bật lửa gas hơi nóng phía dưới để tạo khói. Tuyến và C thay nhau hút khói ma túy qua đường miệng.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định: Ngày 09/7/2024, T bán 01 túi ma túy tổng hợp (ma túy đá) cho Trịnh Văn B và Phạm Văn V1 với giá 1.700.000 đồng. Ngày 27/7/2024, T bán 01 túi ma túy tổng hợp (ma túy đá) cho Phạm Văn V1 và Mai Văn S với giá 2.000.000 đồng. T thừa nhận hành vi bán ma túy cho V1, B, S.

Vật chứng vụ án: 132,703g Methamphetamine (M1: 24,673g; M2: 1,288g; M3: 106,742g) trong niêm phong hoàn lại sau giám định; các vỏ túi nilon đựng ma túy (03 túi lớn và 05 túi nhỏ) cùng phong bì niêm phong mẫu giám định; 01 điện thoại OPPO A54 gắn 02 SIM; 01 cân tiểu ly màu đen; hiện được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh H.

Cáo trạng số 47/CT-VKS-P1 ngày 19/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Chu Văn T về các tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Chu Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm các tội: Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng: Điểm b khoản 4 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g (đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy), h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt là từ 22 năm 03 tháng đến 22 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật, bao gồm tịch thu tiêu hủy 132,23g Methamphetamine hoàn lại sau giám định, các vỏ túi nilon đựng ma túy, các vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định, 02 hộp sắt, cân tiểu ly; tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại OPPO A54; bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa gửi bài bào chữa cho bị cáo, nội dung: Nhất trí về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Chu Văn T không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với nội dung bào chữa của người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh H và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Chu Văn T và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm được xác định là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Chu Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của bị cáo phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Lời khai của người làm chứng (Nguyễn Thị Huyền C, Phạm Văn V1, Trịnh Văn B, Mai Văn S); Biên bản khám xét khẩn cấp và bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản ảnh vật chứng; Kết luận giám định số 594/KL-KTHS(MT) ngày 11/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H; kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Chu Văn T và Nguyễn Thị Huyền C cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 07/9/2024, tại nhà riêng ở thôn T, Tuyên tổ chức sử dụng ma túy cùng Nguyễn Thị Huyền C, loại ma túy Methamphetamine và 02 viên “ma túy ngựa”. Đồng thời, T có hành vi tàng trữ trái phép 132,703g ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời.

Trước đó, ngày 09/7/2024, T bán 01 túi Methamphetamine cho Trịnh Văn B và Phạm Văn V1 với giá 1.700.000 đồng và ngày 27/7/2024, T bán 01 túi

Methamphetamine cho Phạm Văn V1 và Mai Văn S với giá 2.000.000 đồng tại nhà mình.

Bị cáo Chu Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi tàng trữ và mua bán 132,703g Methamphetamine của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi tổ chức cho Nguyễn Thị Huyền C sử dụng ma túy ngày 07/9/2024 đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo về các tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo Chu Văn T là đặc biệt nghiêm trọng; xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy và các chất gây nghiện; gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương; làm gia tăng tệ nạn xã hội; là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất ổn định trật tự cộng đồng. Việc tàng trữ và mua bán một lượng lớn ma túy cùng với tổ chức sử dụng ma túy cho thấy mức độ nguy hiểm cao của hành vi. Vì vậy, cần đưa ra xét xử và áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Chu Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Chu Văn T đã 02 lần bán ma túy cho Phạm Văn V1, Trịnh Văn B, Mai Văn S vào các ngày 09/7/2024 và 27/7/2024; Ngày 25/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nên bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” (điểm g khoản 1 Điều 52) đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy và “tái phạm” (điểm h khoản 1 Điều 52) Bộ luật Hình sự.

Về đặc điểm nhân thân: Bị cáo Chu Văn T có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhiều lần.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo Chu Văn T mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với tội danh Mua bán trái phép chất ma túy: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện mua bán trái phép ma túy cho các đối tượng sử dụng, khám xét và thu giữ

của bị cáo khối lượng lớn ma túy bị cáo đang tàng trữ để tiếp tục sử dụng và bán cho người khác để kiếm lời. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với tội danh Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hướng tới đối tượng là tầng lớp thanh niên, làm suy giảm lao động xã hội, là nguyên nhân để phát sinh nhiều loại tội phạm. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo.

Bị cáo phạm 02 tội nên cần tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hình phạt chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Chu Văn T không có thu nhập và việc làm ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

- 01 hộp niêm phong số 594/KL-KTHS(MT) của Phòng K Công an tỉnh H hoàn trả mẫu vật sau giám định chứa 132,23g Methamphetamine; 01 cân tiểu ly màu đen; các vỏ túi nilon đựng ma túy (03 túi lớn và 05 túi nhỏ); 03 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định; 02 hộp sắt màu xanh là vật chứng trong vụ án, thuộc danh mục Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 gắn 02 SIM, thu giữ của bị cáo Chu Văn T, được xác định có liên quan đến giao dịch mua bán ma túy (dựa trên nhật ký cuộc gọi và tin nhắn Zalo), nên sẽ tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 3.700.000 đồng (1.700.000 đồng ngày 09/7/2024 và 2.000.000 đồng ngày 27/7/2024) mà bị cáo T đã thu từ việc bán ma túy cho Trịnh Văn B, Phạm Văn V1 và Mai Văn S, bị cáo khai rằng đã sử dụng số tiền này để mua ma túy và bị thu giữ, do đó không truy thu của bị cáo.

[7]. Về án phí:

Bị cáo Chu Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 3, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Chu Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g (đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy), h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Chu Văn T 20 (hai mươi) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2024.

2. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 hộp niêm phong số 594/KL-KTHS(MT) của Phòng K Công an tỉnh H hoàn trả mẫu vật sau giám định chứa 132,23g Methamphetamine; 01 cân tiểu ly màu đen; 02 hộp sắt màu xanh, các vỏ túi nilon đựng ma túy (03 túi lớn và 05 túi nhỏ); 03 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54 gắn 02 SIM thu giữ của bị cáo Chu Văn T.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2025 giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên).

3. Về án phí:

Bị cáo Chu Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Người bào chữa;
- Vụ GDKT1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- CQ CSĐT-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HSVA, VP, THS.

Nguyễn Duy Phụng